

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1183 /TCLN-ĐDPH

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2021

V/v hướng dẫn xây dựng Đề án  
du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí  
trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ

Kính gửi: Ban quản lý các khu rừng đặc dụng, phòng hộ

Thực hiện quy định tại Điều 14 và Điều 23 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp về xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

Để đảm bảo nội dung Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được đầy đủ và thống nhất, Tổng cục Lâm nghiệp xây dựng mẫu Đề cương hướng dẫn Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phù hợp với các quy định hiện hành. Đề nghị các Ban quản lý các khu rừng đặc dụng, phòng hộ xem xét, áp dụng (*mẫu Đề cương kèm theo Văn bản này*).

Trên cơ sở mẫu Đề cương, căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương, Tổng cục Lâm nghiệp đề nghị các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí để triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

Đề nghị Ban quản lý các khu rừng đặc dụng, phòng hộ nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo kết quả về Tổng cục Lâm nghiệp để theo dõi, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổng cục trưởng (để b/c);
- Sở NN&PTNT các Tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, ĐDPH.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Trần Quang Bảo**

## MẪU ĐỀ CƯƠNG

**ĐỀ ÁN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ RỪNG ĐẶC DỤNG/RỪNG PHÒNG HỘ ..... GIAI ĐOẠN 2021 – 2030**

*(Kèm theo Văn bản số /TCLN-ĐDPH ngày /8/2021 của Tổng cục Lâm nghiệp)*

**MẪU BÌA**

**CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP  
TÊN KHU RỪNG ĐẶC DỤNG/PHÒNG HỘ**

**ĐỀ ÁN**

**DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ .....  
GIAI ĐOẠN 2021-2030**

*(Ảnh cảnh quan đẹp, đặc trưng của khu RĐĐ/PH)*

**Tên tỉnh, tháng ..... năm.....**

## **MỤC LỤC**

### **DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

### **DANH MỤC HÌNH**

### **DANH MỤC BẢNG**

### **DANH MỤC BẢN ĐỒ**

## **TÓM TẮT ĐỀ ÁN**

Nhu cầu tổ chức phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí.

Các mục tiêu phát triển chính và các dự án ưu tiên.

Tổng mức đầu tư và lộ trình đầu tư (mức đầu tư chia theo các nguồn khác nhau (ngân sách nhà nước, xã hội hóa, từ các dự án...) theo từng năm, phần tính toán chi tiết sẽ được mô tả ở phần sau của đề án và trong Phụ lục đính kèm đề án).

Các giải pháp chính để triển khai, thực hiện đề án.

## **MỞ ĐẦU**

### **1. Sự cần thiết của đề án**

- Thông tin chung về khu rừng đặc dụng hoặc khu rừng phòng hộ (RĐĐ\RPĐ) bao gồm tóm tắt các giá trị đa dạng sinh học quan trọng nhất của khu rừng (ví dụ: các loài nguy cấp hoặc đặc hữu chính, cảnh quan đặc biệt, rừng quý hiếm, đất ngập nước, v.v.) và các mối đe dọa chính đối với những giá trị đó (ví dụ: săn bắn ĐVHĐ, khai thác gỗ, lấn chiếm đất rừng, áp lực phát triển quá mức xung quanh, v.v.).
- Thông tin tóm tắt về hiện trạng và lợi thế liên quan đến tiềm năng phát triển du lịch sinh thái của khu RĐĐ\RPĐ, bao gồm những điểm làm cho RĐĐ\RPĐ này trở nên đặc biệt và khác biệt so với các điểm du lịch khác trong nước, khu vực hoặc quốc tế. Trình bày tóm tắt về mức độ du lịch hiện tại của RĐĐ\RPĐ so với các khu vực khác.
- Mô tả bối cảnh, sự cần thiết của việc phát triển du lịch sinh thái RĐĐ\RPĐ (phân tích bối cảnh chung của cả nước, tỉnh, huyện và của Ban quản lý RĐĐ\RPĐ phù hợp với quy định hiện hành, phương án quản lý rừng bền vững được duyệt). Mô tả các tác động tích cực và tiêu cực hiện tại (hoặc tiềm năng, nếu chưa phát triển) từ hoạt động du lịch trong khu vực rừng làm cơ sở thực tiễn để quản lý và phát triển du lịch tốt hơn.

### **2. Nguyên tắc phát triển du lịch**

Mô tả những nguyên tắc phát triển du lịch sẽ được sử dụng trong đề án. Lưu ý một số nguyên tắc sau (có thể bổ sung theo điều kiện thực tế).

- Tuân thủ các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Việt Nam;
- Phù hợp với các chính sách, định hướng, chiến lược quốc gia, ngành và địa phương về phát triển du lịch, lâm nghiệp, đa dạng sinh học và phát triển kinh tế xã hội;
- Đảm bảo phù hợp với Phương án quản lý rừng bền vững của khu RĐĐ\RPĐ; đầy đủ nội dung theo quy định của Điều 14,15,23,24 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Góp phần bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học của RĐĐ\RPĐ;
- Góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các bên liên quan và khuyến khích các bên liên quan tham gia vào các hoạt động bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ cảnh quan và các loài động, thực vật hoang dã;
- Góp phần vào việc phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng và giúp phát triển kinh tế và tạo việc làm cho cộng đồng sống trong rừng và ở vùng đệm từ các hoạt động du lịch sinh thái để khuyến khích người dân tham gia vào hoạt động bảo tồn thiên nhiên, phát triển rừng;
- Mang lại nguồn tài chính phục vụ cho công tác bảo tồn và phát triển các điểm đến du lịch.

# CHƯƠNG 1

## ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI RĐĐ\RPĐ

### 1.1. Điều kiện tự nhiên và tiềm năng du lịch tự nhiên

#### *1.1.1. Vị trí địa lý, ranh giới, và diện tích*

Nêu được vị trí địa lý, ranh giới địa lý của RĐĐ\RPĐ. Có nhận xét về vị trí, ranh giới để nêu bật được vị trí thuận lợi trong việc kết nối thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, và giải trí.

Nêu được cách du khách có thể đến RĐĐ\RPĐ, bằng phương tiện vận tải nào, khoảng cách và thời gian từ các thành phố lớn và các điểm du lịch lân cận khác.

Nêu được diện tích của RĐĐ\RPĐ từ khi thành lập đến hiện tại, quá trình thay đổi diện tích. Có nhận xét về sự thuận lợi và rào cản cho việc phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí.

Hình ảnh, bản đồ hiển thị khu vực có sự kết nối với các điểm đến xung quanh.

#### *1.1.2. Địa hình và địa chất*

Nêu được đặc điểm địa hình, địa chất giúp cho việc hình thành hệ thống cảnh quan, hệ sinh thái đặc trưng của RĐĐ\RPĐ, tạo điều kiện cho việc phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí.

Mô tả được cách du khách có thể tiếp cận với các dạng địa hình.

Nêu được đặc điểm địa hình, địa chất nhạy cảm với những tác động của hoạt động du lịch và cần có sự tính toán thận trọng trong phát triển du lịch.

Hình ảnh, bản đồ hiển thị địa hình (nếu có).

#### *1.1.3. Khí hậu và mùa vụ du lịch*

Nêu được đặc điểm của khí hậu liên quan đến tính mùa vụ, nhiệt độ, độ ẩm, lượng mây, lượng mưa, áp suất khí quyển, tốc độ gió, hướng gió, chế độ nắng (bức xạ mặt trời) tạo điều kiện hoặc gây cản trở cho việc phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí.

Nêu được khoảng thời gian có khí hậu thích hợp cho việc thăm quan và các hoạt động có thể tổ chức với điều kiện khí hậu thích hợp này.

#### *1.1.4. Thủy văn*

Nêu được đặc điểm chế độ thủy văn (tài nguyên nước) liên quan đến hệ thống sông, suối, ao, hồ,... và các nguồn suối nước khoáng (nếu có sẽ có tác dụng tốt cho phục hồi và chữa bệnh của khách du lịch) tạo điều kiện cho việc phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí.

Nêu được khoảng thời gian và các hoạt động có thể tổ chức với điều kiện thủy văn thích hợp.

Hình ảnh, bản đồ hiển thị chế độ thủy văn (nếu có).

#### *1.1.5. Hiện trạng sử dụng đất*

a) Thống kê hiện trạng sử dụng đất của đơn vị

Cần nêu được hiện trạng các loại đất (đất rừng ĐD/PH/SX hoặc đất ngoài quy hoạch 3 loại rừng) mà đơn vị đang được giao quản lý.

Lập bảng biểu thị.

b) Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất

Cần nêu được hiện trạng các khu vực đất có công trình, đất trồng, đất chưa có công trình có tiềm năng sử dụng cho phát triển DLST.

#### **1.1.6. Diện tích rừng**

a) Tổng diện tích rừng và diện tích đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp (theo nguồn gốc hình thành, mục đích sử dụng)

b) Hiện trạng theo các phân khu chức năng/phân chia theo kiểu rừng

c) Hiện trạng phân bố lâm sản ngoài gỗ (nếu có)

d) Nêu được các khu vực/phân khu có thể sử dụng cho mục đích tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí

#### **1.1.7. Đa dạng sinh học**

Nêu được sự đa dạng của hệ động vật, hệ thực vật, các loài đặc hữu, quý hiếm, công dụng của tài nguyên động, thực vật tạo điều kiện cho việc phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí.

Cung cấp thông tin về những điểm đến, những nơi, khoảng thời gian mà du khách có thể quan sát được sự đa dạng sinh học.

Nêu được những loài động vật, thực vật quý hiếm cần bảo vệ và trách những tác động tiêu cực trong quá khai thác du lịch.

Hình ảnh, bản đồ hiện thị những điểm tham quan đa dạng sinh học (nếu có).

#### **Ví dụ bảng kiểm kê những loài động\thực vật quý hiếm, đặc trưng**

<b>Loài</b>	<b>Tình trạng bảo tồn</b>	<b>Mối đe dọa</b>	<b>Khu vực có thể quan sát</b>	<b>Ghi chú</b>
Động vật 1				
Động vật 2				
Chim 1				
Chim 2				
Bò sát....				
Cây 1				
Cây 2				

#### **1.1.8. Cảnh quan thiên nhiên**

Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên và tài nguyên rừng. Nêu được các cảnh quan tiêu biểu hình thành trên nền tảng của địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh động vật, tạo điều kiện cho việc phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí.

### **1.2. Dân sinh, kinh tế - xã hội và tiềm năng du lịch văn hóa**

#### **1.2.1. Dân sinh**

Nêu được dân số, cơ cấu dân số theo độ tuổi, thành phần dân tộc, theo mức độ giàu,

nghèo và cơ cấu lao động dân cư vùng đệm/giáp ranh.

### **1.2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội**

Nêu được cơ cấu kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế và đời sống của người dân địa phương. Xác định được nguồn thu nhập chính của cộng đồng dân cư và các cộng đồng dân cư cần được hỗ trợ kinh tế.

### **1.2.3. Tiềm năng du lịch văn hóa**

Nêu được các giá trị tài nguyên văn hóa vật thể (như di tích lịch sử, di tích kiến trúc mỹ thuật,...), tài nguyên văn hóa phi vật thể (trang phục, lễ hội, ẩm thực, phong tục tập quán, tín ngưỡng, văn hóa ứng xử, âm nhạc, các hình thức biểu diễn nghệ thuật) và các tài nguyên văn hóa khác (danh nhân, địa danh) thuận lợi cho việc phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí.

Nêu được những tác động tiêu cực có thể ảnh hưởng tới văn hóa bản địa.

Hình ảnh, bản đồ khu vực hiện thị các làng bản và các điểm tham quan gắn với cộng đồng dân cư (nếu có).

## **1.3. Giao thông**

- a) Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực
- b) Hệ thống giao thông đường thủy

## **1.4. Hiện trạng hoạt động du lịch**

*Tùy theo hiện trạng thực tế hoạt động du lịch, Ban quản lý xây dựng nội dung theo các mục sau:*

Trước khi đi vào phân hiện trạng các hoạt động du lịch, cần có thuyết minh tóm tắt về quá trình hình thành và phát triển du lịch ở RĐĐRPH và nhu cầu phát triển du lịch trong thời gian tới.

### **1.4.1. Công tác tổ chức quản lý và nguồn nhân lực**

Nêu hiện trạng và đánh giá mô hình quản lý, số lượng, trình độ, đội ngũ cán bộ, hợp đồng tham gia tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí; nguồn kinh phí và các hoạt động triển khai.

Lập sơ đồ/bảng biểu thị số lượng, trình độ đội ngũ; kinh phí thực hiện hàng năm.

### **1.4.2. Hiện trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch**

Nêu và đánh giá được hiện trạng cơ sở hạ tầng (điện, nước, thông tin liên lạc, giao thông vận tải).

Nêu và đánh giá được hiện trạng cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch (cơ sở lưu trú, cơ sở ăn uống, cơ sở mua sắm, trung tâm giáo dục môi trường và dịch vụ, các trung tâm cứu hộ, bảo tàng, bãi đỗ xe, hệ thống xử lý rác thải, nước thải),...

Lập bảng thống kê.

### **1.4.3. Hiện trạng loại hình và sản phẩm du lịch**

Nêu và đánh giá được hiện trạng các loại hình du lịch (*du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh, du lịch thể thao – mạo hiểm, du lịch nghiên cứu khoa học, du lịch văn hóa – lịch sử,...*) và các sản phẩm du lịch (*dịch vụ lưu trú, dịch vụ ẩm thực, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ vui chơi giải trí, dịch vụ thăm quan,...*).

#### 1.4.4. Hiện trạng các điểm, tuyến, và chương trình du lịch

Nêu và đánh giá được hiện trạng các điểm, tuyến, và chương trình du lịch đang khai thác trong khu vực RĐĐ\RPĐ.

##### Ví dụ bảng kiểm kê điểm, tuyến du lịch

TT	Điểm hoặc tuyến/chương trình du lịch	Khoảng cách từ trung tâm du khách	Khoảng thời gian thăm	Các hoạt động trải nghiệm	Giá cả	Ghi chú

#### 1.4.5. Đầu tư du lịch

Nêu và đánh giá hiện trạng công tác đầu tư cho du lịch từ ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương, nguồn xã hội hóa,... đối với các hạng mục như nhân lực, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, quảng bá và tiếp thị du lịch,...

Lập bảng biểu thị.

#### 1.4.6. Các bên liên quan và hợp tác trong phát triển du lịch

- Nêu và đánh giá vai trò, hiện trạng các bên tham gia và phối hợp trong phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí bao gồm: các cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội du lịch, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng địa phương (nguồn thu nhập chính, số người tham gia hoạt động phục vụ khách du lịch, loại hình hoạt động, thu nhập trung bình; khó khăn, thuận lợi khi tham gia vào du lịch),...

- Kết quả của hoạt động cho thuê môi trường rừng hoặc hợp tác, liên kết để kinh doanh DLST, nghỉ dưỡng, giải trí (trong 5 năm trở lại đây).

- Cơ chế chia sẻ lợi ích giữa các bên, nhất là doanh nghiệp và cộng đồng địa phương.

#### 1.4.7. Hiện trạng hoạt động xúc tiến, quảng bá

Nêu và đánh giá hiện trạng các hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch, các kênh xúc tiến quảng bá, các đối tác thực hiện, thời gian, nguồn lực và hiệu quả của hoạt động.

#### 1.4.8. Hiện trạng sự tham gia của cộng đồng

Nêu và đánh giá hiện trạng các hoạt động phát triển DLST, nghỉ dưỡng, giải trí có sự tham gia của cộng đồng

##### Ví dụ bảng cộng đồng tham gia và hưởng lợi từ du lịch

Cộng đồng	Các hoạt động tham gia	Năm tham gia	Hình thức tham gia và hưởng lợi từ du lịch (cá nhân, gia đình, tổ hợp tác...)	Ghi chú



#### **1.4.9. Hiện trạng công tác bảo vệ môi trường du lịch**

Nêu và đánh giá hiện trạng công tác bảo vệ môi trường liên quan quản lý chất thải, giảm thiểu chất thải, xử lý nước thải, tiết kiệm nước và năng lượng điện trong hoạt động du lịch.

#### **1.4.10. Hiện trạng hoạt động diễn giải thông qua du lịch**

Nêu và đánh giá hiện trạng các tài liệu diễn giải, hệ thống biển báo và các phương tiện khác.

Đánh giá nhu cầu cải thiện khả năng diễn giải.

#### **1.4.11. Kết quả hoạt động kinh doanh**

Nêu và đánh giá được hiệu quả kinh doanh du lịch ở các khía cạnh:

- Khách du lịch (nội địa và quốc tế);
- Doanh thu du lịch (Vé vào cổng, lưu trú, vận chuyển, ăn uống, bán hàng, vui chơi giải trí, dịch vụ khác, ví dụ trình diễn nghệ thuật,...); phân chia theo các hình thức (tự tổ chức; hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng);
- Đánh giá hoạt động kinh doanh trên cả ba hình thức: tự tổ chức; hợp tác, liên kết và cho thuê môi trường rừng;
- Hoạt động, khối lượng, giá trị đầu tư trở lại cho công tác bảo tồn;
- Thu nhập tăng thêm của cán bộ Vườn;
- Đóng góp cho ngân sách, đóng góp cho cộng đồng;
- Đánh giá thực trạng; phân tích khó khăn, thuận lợi, quá trình dần tự chủ chi thường xuyên từ nguồn thu do quá trình kinh doanh; hợp tác liên kết và cho thuê môi trường rừng từ hoạt động DLST, nghỉ dưỡng, giải trí mang lại;
- Lập bảng biểu thị nội dung có liên quan.

## CHƯƠNG 2

### NỘI DUNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ KHU RĐD/RPH GIAI ĐOẠN 2021-2030

#### 2.1. Căn cứ xây dựng đề án

##### 2.1.1. Căn cứ pháp lý

- a) Các văn bản pháp lý liên quan đến đề án.
- b) Các chính sách du lịch sinh thái.

*\* Ví dụ một số căn cứ pháp lý:*

*Nghị quyết của Trung ương:*

- Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành kinh tế mũi nhọn.

*Các Luật:*

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 19/06/2017;
- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 15/11/2017;
- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 13/11/2008 và Luật Đa dạng sinh học hợp nhất số 32/VBHN được Quốc hội thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2018;
- Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 Quốc hội thông qua ngày 18/06/2009.

*Các Nghị quyết và Nghị định của Chính phủ:*

- Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới;
- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/09/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa;
- Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;
- Nghị định số 83/2020/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo tồn, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

*Các quyết định của Thủ tướng, Bộ VH TT & DL và các Thông tư liên quan:*

- Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;